

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST

Ngày 08/3/2024

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Tấn và bà Tường Thị Thu.

*Thư ký Tòa án:* Ông Dương Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:*  
Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 308/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

*\* Nguyên đơn:* Ông Ma Doãn T, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn BT, xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*\* Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn BT, xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt lần 02, đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, nội dung bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Ma Doãn T trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông Ma Doãn T và bà Nguyễn Thị H qua tự nguyện, tự do tìm hiểu đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TU, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ vào ngày 09/11/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn BT, xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu cho đến khoảng tháng 6 năm 2023 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân mâu thuẫn ông T cho rằng là do giữa ông và bà H bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và bà H không có ý định xây dựng cuộc sống cho gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông T đã nhiều lần khuyên bảo nhưng bà H không chịu thay đổi, dù đã được thôn bản hòa giải nhưng ông T và bà H vẫn không hàn gắn được tình cảm, mâu thuẫn không thể khắc phục được. Hiện nay ông T và bà H đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 không còn quan tâm đến cuộc sống chung, cuộc sống của ai thì người đó tự lo, việc kéo dài cuộc sống hôn nhân cũng chỉ vì con cái. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Ông Ma Doãn T và bà Nguyễn Thị H có 01 con chung là cháu Ma Doãn T1, sinh ngày 28/01/2011. Khi ly hôn ông T có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ma Doãn T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không thay đổi, bổ sung gì.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị H đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng).

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với ông Ma Doãn D, trưởng thôn BT, xã TM, huyện Chiêm Hóa; ông Ma Văn H, trưởng thôn HD, xã HM, huyện Chiêm Hóa và Công an xã TM, huyện Chiêm Hóa xác định bà Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn BT, xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên thực tế hiện nay bà H đã đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và địa phương, ông D cũng xác nhận bà H hiện nay đi làm ăn xa nhà không biết cụ thể địa chỉ tạm trú cũng như khi nào bà H mới trở về gia đình và địa phương. Theo ông D cho biết ông T và bà H có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn ông T và bà H chung sống tại thôn BT, xã TM, huyện Chiêm Hóa, thời gian đầu chung sống ông T và bà H sinh sống hòa thuận không có mâu thuẫn, nhưng đến khoảng đầu năm 2023 thì thôn được ông T báo giải quyết nội dung bà H bán một số tài sản trong gia đình, kể từ đó bà H không có mặt tại gia đình và địa phương, từ đó ông T và bà H cũng sống ly thân cho đến nay. Ông D thỉnh thoảng có liên hệ và thông báo được với bà H qua điện thoại di động khi có công việc của địa phương liên quan đến bà H; ông D có nhận được văn bản của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa và cam kết thông báo cho bà Nguyễn Thị H biết về việc ông Ma Doãn T có đơn xin ly hôn đối với bà H

(thông tin qua điện thoại di động cho bà H).

Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 13/12/2023 cháu Ma Doãn T1, sinh ngày 28/01/2011 trình bày sau khi ông T và bà H ly hôn nguyện vọng mong muốn được bố trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Ma Doãn T, cho ông Ma Doãn T được ly hôn bà Nguyễn Thị H; về con chung: Giao cháu Ma Doãn T1, sinh ngày 28/01/2011 cho ông Ma Doãn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Ông Ma Doãn T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện người cao tuổi; bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Ma Doãn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với bà Nguyễn Thị H; bà Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn BT, xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Theo cung cấp của Công an xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thì bà Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn BT, xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Bà H đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ bà H đang ở đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa

án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bà H đến Tòa án để làm việc nhưng bà H vắng mặt không có lý do, bà H đã được thông báo nhưng vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ma Doãn T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến quan điểm như trong đơn khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

## [2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Ma Doãn T và bà Nguyễn Thị H là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TU, huyện Tam Thanh, tỉnh Phú Thọ. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu cho đến tháng 6 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông T cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và bà H không có ý định xây dựng cho gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung. Ông T đã đã nhiều lần khuyên bảo nhưng bà H không chịu thay đổi, dẫn tới vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay, ông T xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với bà Nguyễn Thị H.

Qua quá trình xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà H đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; thể hiện tại Biên bản xác minh ngày 25/01/2024 (BL 42) thấy rằng ông T và bà H đã sống ly thân, kể từ khi ly thân, giữa ông T và bà H không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, do vậy giữa ông T và bà H không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Ma Doãn T, cho ông T được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung giữa ông Ma Doãn T và bà Nguyễn Thị H có 01 con chung là Ma Doãn T1, sinh ngày 28/01/2011, ông T có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Quá trình xác minh xác định hiện bà Nguyễn Thị H không có mặt tại gia đình và địa phương, đồng thời cũng không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện quan điểm ý kiến về quyền nuôi dưỡng con. Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 13/12/2023 cháu T1 có nguyện vọng được ở với ông T sau khi ông T và bà H ly hôn. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu Ma Doãn T1 cho ông Ma Doãn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được

cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Ma Doãn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông Ma Doãn T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Ma Doãn T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định (người cao tuổi); bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Ma Doãn T, cho ông Ma Doãn T được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Ma Doãn T1, sinh ngày 28/01/2011 cho ông Ma Doãn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Ông Ma Doãn T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã TU, huyện Tam Thanh tỉnh Phú Thọ (nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Lâm Hạnh Quỳnh**